

# NHẬN DIỆN GIÁ TRỊ SỐNG CỦA THANH NIÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ QUAN NIỆM VỀ HẠNH PHÚC

HOÀNG THỊ THU HUYỀN\*  
PHẠM THỊ THÚY\*\*  
TRẦN THANH HỒNG LAN\*\*\*

*Giá trị sống có thể được hiểu là những gì mà mỗi người cho là quý giá, quan trọng, có ý nghĩa đối với cuộc sống của mình. Trong bối cảnh xã hội biến đổi nhanh chóng, giá trị sống của người trẻ ở một thành phố lớn như TP HCM hiện nay là gì. Nghiên cứu này dựa trên sự phân tích quan niệm về hạnh phúc của thanh niên đã cho thấy giá trị sống của thanh niên TP HCM hiện nay thiên về những giá trị mang tính chất cá nhân, tuy nhiên vẫn còn đó sự hướng tới những giá trị mang tính chất cộng đồng, xã hội.*

*Từ khóa:* hạnh phúc, giá trị sống, thanh niên, TP HCM

*Nhận bài ngày:* 24/6/2019; *đưa vào biên tập:* 26/6/2019; *phản biện:* 7/8/2019; *duyet đăng:* 4/9/2019

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giá trị sống được định hình và củng cố thông qua giáo dục và trải nghiệm của từng người trẻ. Những yếu tố làm cho cuộc sống của thanh niên ngày càng tốt hơn đang dần được tạo lập rõ nét thông qua những tiến bộ và văn minh, nhất là ở thời đại bùng nổ công nghệ, nhu cầu để thanh niên khẳng định và thể hiện bản thân là không nhỏ (Nguyễn Đức Lộc và các cộng sự, 2017). Theo Trần Hữu Quang (2019: 174): “thông thường, khi cấu trúc xã hội thay đổi, thì cách suy nghĩ và hệ

thống giá trị của người ta cũng thay đổi theo”. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Ronald Ingleht & Wayne Baker (2000) cho thấy giá trị sống của cá nhân ít nhiều bị ảnh hưởng bởi cấu hình xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp, tức là có sự tương tác và lưu tâm đến những vấn đề môi trường xã hội và các nhóm yếu thế nhiều hơn (dẫn lại Nguyễn Đức Lộc và cộng sự, 2018).

Bài viết sử dụng khái niệm “giá trị” của Trần Hữu Quang (2019: 173): “Giá trị (value) là điều mà một xã hội hay một nhóm xã hội coi là phải, là tốt, là đúng đắn, và là cơ sở để dựa vào đó mà suy nghĩ, phán đoán và ứng xử”. Theo đó, giá trị sống được coi là những điều quý giá, có ý nghĩa đối

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

\*\* Học viện Hành chính Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

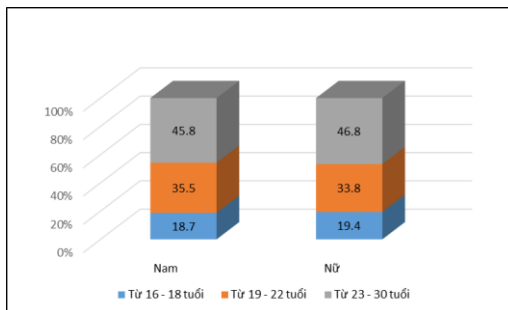
\*\*\* Trường Đại học Thủ Dầu Một.

với cuộc sống của mỗi người. Nó vừa mang tính cá nhân mang tính phổ quát và được nhận diện thông qua các hoạt động sống và quan điểm sống của họ.

## 2. GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này dựa trên kết quả khảo sát năm 2018 của đề tài “Thanh niên TPHCM: lối sống và giá trị hình mẫu thanh niên trong bối cảnh hiện nay”<sup>(1)</sup>. Qua khảo sát 700 thanh niên thuộc nhiều nhóm nghề nghiệp, trình độ học vấn và nhóm tuổi khác nhau, trong đó tập trung nhiều nhất ở nhóm tuổi 23-30 tuổi. Biểu đồ 1 mô tả cơ cấu nhóm tuổi theo giới tính của những người được khảo sát.

Biểu đồ 1. Độ tuổi và giới tính trong mẫu



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Một số đặc điểm khác của mẫu nghiên cứu như: trình độ học vấn của thanh niên tham gia khảo sát tập trung vào 3 nhóm tốt nghiệp trung học sơ sở, trung học phổ thông và tốt nghiệp đại học - cao đẳng với tỷ lệ lần lượt là 23,7%, 36,7% và 33,4%; nghề nghiệp chung của thanh niên chủ yếu là: học sinh/sinh viên/học nghề chiếm 28,4%, nhân viên văn phòng 16,7%, công nhân/thợ thủ công 15,1%, lao động

giản đơn 12,3%, buôn bán - dịch vụ 11,9%, chuyên viên - kỹ thuật có chuyên môn sâu 9,9%.

Ngoài ra, nghiên cứu này còn thực hiện phỏng vấn sâu đối với nhóm đối tượng là những cán bộ làm công tác đoàn, công tác giáo dục, chuyên gia trong lĩnh vực xã hội học, tâm lý học... am hiểu về những vấn đề liên quan đến thanh niên.

## 3. NHỮNG GIÁ TRỊ SỐNG CỦA THANH NIÊN THÀNH PHỐ TỪ QUAN NIỆM VỀ HẠNH PHÚC

Định hướng giá trị của mỗi cá nhân có ảnh hưởng quan trọng đối với việc hình thành nên lối sống, ngược lại có thể nhận biết giá trị sống của cá nhân thông qua lối sống (hoạt động sống và quan điểm sống) của họ.

Câu hỏi “bạn có hạnh phúc không” dường như ngày càng được thay thế cho nhiều câu hỏi thiên về giá trị vật chất, kinh tế. Hạnh phúc, bên ngoài có vẻ như là sự cảm nhận chủ quan, là sự hài lòng của cá nhân nhưng bên trong quan niệm về hạnh phúc bị chi phối bởi hệ giá trị. Vì vậy, có thể dựa trên quan niệm về hạnh phúc và một số hoạt động sống, quan điểm sống của thanh niên trong mẫu khảo sát, để nhận biết những giá trị sống của thanh niên thành phố hiện nay.

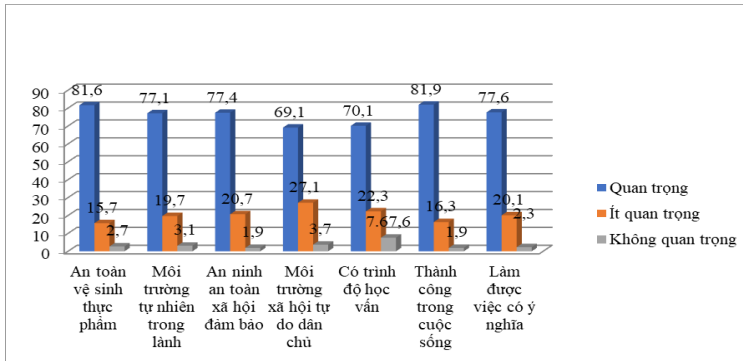
Qua phân tích các khía cạnh liên quan đến nhận thức về hạnh phúc của thanh niên ở câu hỏi số 55 trong bản câu hỏi khảo sát (xem Phụ lục), nghiên cứu đã chỉ ra mối tương quan phụ thuộc giữa những yếu tố mà thanh niên cho rằng quan trọng để có

hạnh phúc, từ đó 5 nhóm yếu tố để có hạnh phúc được rút gọn như sau:

**(1) Đảm bảo về môi trường tự nhiên/xã hội và sự thành công của cá nhân**

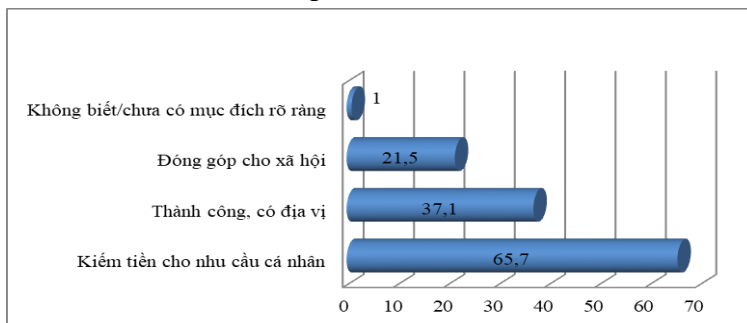
Khi đo lường các yếu tố làm cho thanh niên hạnh phúc, có thể thấy các biến quan sát nói về đảm bảo môi trường sống tự nhiên, môi trường xã hội an toàn và sự thành công của cá nhân bao gồm cả trình độ học vấn là những yếu tố thuộc nhóm đầu tiên thể hiện giá trị mang lại hạnh phúc cho thanh niên thành phố, được thể hiện qua Biểu đồ 2.

Biểu đồ 2. Mức độ hạnh phúc – đảm bảo về môi trường tự nhiên/xã hội và sự thành công của cá nhân



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Biểu đồ 3. Mục đích sống của thanh niên



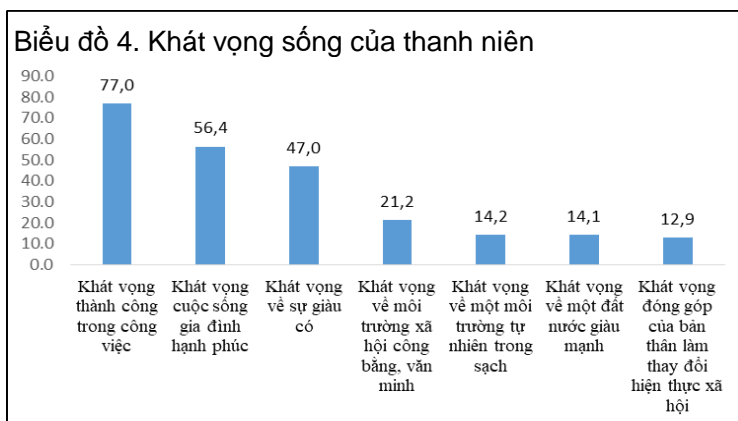
Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Cụm vấn đề thứ nhất được quan tâm gần môi trường tự nhiên trong lành với 77,1% đánh giá là quan trọng; an toàn vệ sinh thực phẩm với 81,6% đánh giá quan trọng; và môi trường xã hội được quan tâm như là một môi trường tạo nên sự đảm bảo an toàn và thực thi dân chủ lần lượt chiếm 74,9% và 69,1% đánh giá là quan trọng.

Cụm vấn đề thứ hai được xem xét là các yếu tố thể hiện sự thành công của cá nhân. Có thể thấy sự dịch chuyển đầu tiên của nhóm yếu tố thành công không dừng lại ở tiền tài và thành công cá nhân chiếm 81,9% mà còn

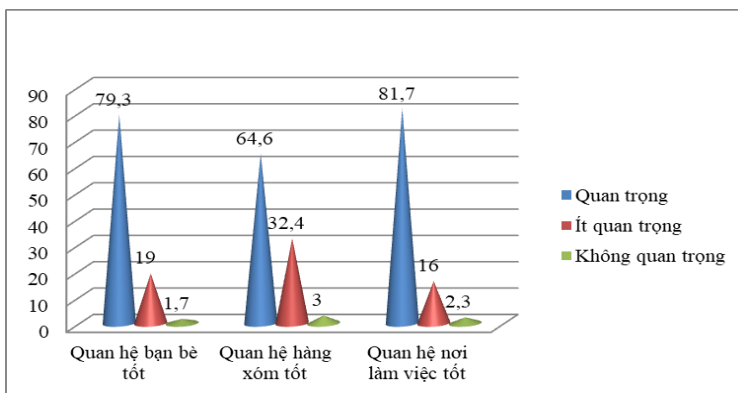
thêm yếu tố “làm được việc có ý nghĩa” được đánh giá quan trọng chiếm 77,6%.

“Làm được việc có ý nghĩa” có lẽ không thể thiếu những việc làm vì cộng đồng, xã hội, được thể hiện trong những mục đích sống được thanh niên lựa chọn có mục đích đóng góp cho xã hội chiếm 21,5% (Biểu đồ 3). Và chọn lựa này cũng thể hiện trong những khát vọng mang tính cộng đồng xã hội như khát vọng về môi trường sống công bằng và văn minh (21,2%), mong muốn có được môi trường sống trong sạch (14,2%), khát vọng về một đất nước giàu



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

**Biểu đồ 5. Mức độ hạnh phúc – quan hệ xã hội tốt**



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

mạnh (14,1%) (Biểu đồ 4). Tuy những mục đích và khát vọng sống này chưa hoàn toàn là mong muốn của số đông thanh niên được khảo sát nhưng cũng cho thấy một bức tranh về các giá trị mà họ hướng tới không hẳn ảm đạm.

## (2) Quan hệ xã hội tốt

Mạng lưới xã hội thường được nhắc đến như là một phần “vốn xã hội” của con người (social capital) là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của con người. Cơ hội thành công của cá nhân đến từ các mối quan hệ xã hội mà họ thiết lập được

(Bùi Thế Cường và cộng sự, 2010: 355). Khi đề cập đến vốn xã hội, nhà nghiên cứu Jane Jacobs (1961) cho rằng đô thị chính là nơi người dân xây dựng cuộc sống, tương lai của mình và để các cá nhân sống bên trong đó được bền chặt hơn, họ vận dụng những mối quan hệ để cùng nhau tạo nên những giá trị cho cuộc sống và cho đô thị ấy.

Biểu đồ 5 cho thấy sự nhìn nhận của thanh niên thành phố trong hoàn cảnh xã hội hiện nay khi họ đánh giá mỗi quan hệ tại nơi làm việc với mức quan trọng cao (81,7%); tiếp theo là mối quan hệ bạn bè (không hạn chế

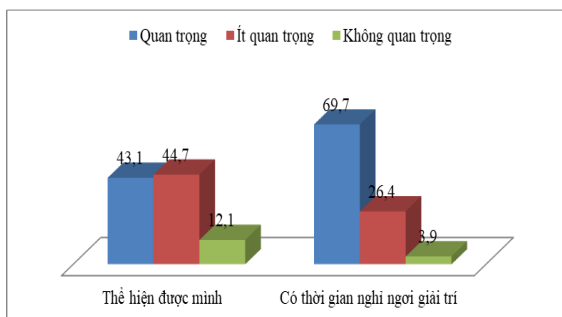
trong môi trường nào) cũng được đề cao với mức đánh giá 79,3%. Có lẽ lối sống đô thị tại TPHCM cũng phần nào được phản ánh trong sự đánh giá của người trẻ khi họ không quá đề cao vai trò của những người hàng xóm với 64,6% cho rằng mối quan hệ với hàng xóm là quan trọng, 32% cho rằng ít quan trọng. Lối sống và sự độc lập ít nhiều có phần khép kín của các hộ gia đình tại đô thị đã ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa ứng xử của các cá nhân trong cùng một khu xóm (Trịnh Duy Luân, 2009), và điều này có thể

được nhận ra cả trong sự quan sát thường ngày.

### (3) Khẳng định bản thân

Đối với không ít người trẻ, việc quan trọng nhất có thể xem như lý tưởng của mình đó là khẳng định được phẩm chất và năng lực của bản thân. Nhu cầu được thể hiện bản thân đối với người trẻ là một trong 5 thang đo nhu cầu của Maslow (1970) thông qua “Motivation and personality” (Động cơ và nhân cách) (dẫn theo Bùi Thế Cường, 2019: 546). Trong đó, việc khẳng định bản thân, được thừa nhận là người thành đạt trở thành thang đo mức cao nhất trong việc xác định vị thế bản thân. Nhưng, kết quả của khảo sát cho thấy, chưa tới ½ thanh niên cho rằng “thể hiện được mình” là quan trọng, trong khi đó có tới 12,1% cho rằng nó không quan trọng, và 44,7% cho rằng ít quan trọng (Biểu đồ 6). Điều này liệu rằng có phải người trẻ đang nhầm lẫn giữa sự “thể hiện bản thân” với sự đánh bóng tên tuổi, sự thể hiện mang tính phô trương hướng tới việc làm nổi mình? Trong

Biểu đồ 6. Mức độ hạnh phúc – khẳng định bản thân

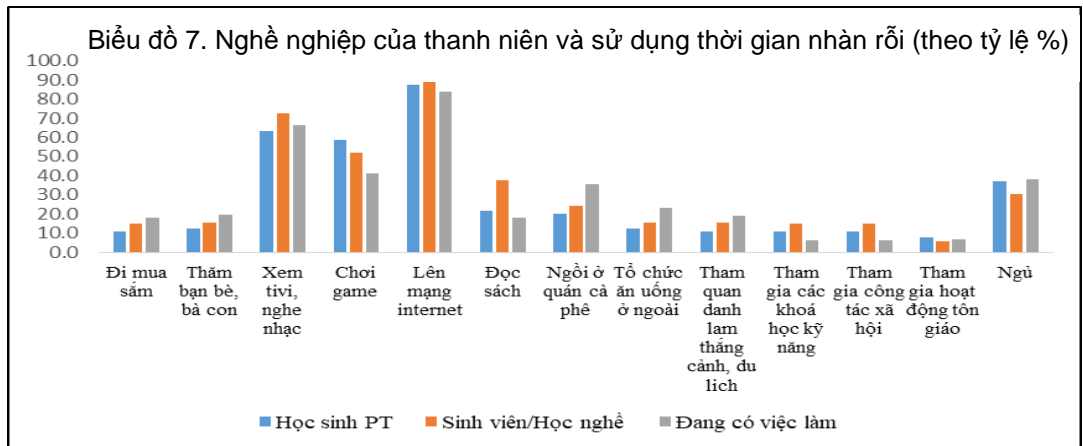


Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

một nghiên cứu khác cũng cho thấy xu hướng của người trẻ hiện nay có nhu cầu thể hiện bản thân rất lớn trong việc chọn nơi làm việc, đó là nơi phải giúp họ khẳng định bản thân, nếu nơi nào họ cảm thấy không tìm được cơ hội thể hiện bản thân thì họ sẽ chuyển đổi một môi trường hay công việc mới phù hợp hơn (Nguyễn Đức Lộc, 2018).

Qua Biểu đồ 6, có thời gian nghỉ ngơi giải trí (như là một sự khẳng định quyền cá nhân) cũng là một yếu tố được thanh niên đánh giá để có được hạnh phúc với mức độ quan trọng đạt 69,7% câu trả lời. Đây là quyền chính đáng của mỗi người, tuy nhiên cũng cần xem xét các hình thức giải trí chủ yếu của thanh niên là gì.

Biểu đồ 7 cho thấy các hoạt động giải trí của thanh niên thành phố trong thời gian rảnh rỗi tương đối phong phú. Hình thức được yêu thích nhất là lên mạng internet, chiếm tỷ lệ lớn ở hầu hết các nhóm nghề nghiệp (dao động từ 84,1% đến 89,6%), ở nhóm học sinh, sinh viên và học nghề tỷ lệ này cao hơn nhóm đang đi làm và/hoặc nhóm thất nghiệp. Hình thức giải trí như xem tivi, nghe nhạc được yêu thích với tỷ lệ khá cao (thứ hai) ở tất cả các nhóm nghề nghiệp. Chơi game cũng là một hình thức được khá nhiều thanh niên yêu thích, tuy nhiên có sự khác biệt tương đối rõ nét về tỷ lệ chọn lựa giữa nhóm đang đi học (học sinh/sinh viên/học nghề) với nhóm không đi học (đang đi làm/không đang đi làm). Uống cà



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

phê với bạn bè, đi ăn uống bên ngoài, thăm bạn bè, bà con cũng được nhắc đến nhưng với tỷ lệ khá thấp. Ngoài các hoạt động vui chơi giải trí, nhóm hoạt động mang tính rèn luyện học tập và sinh hoạt cộng đồng có tỷ lệ không cao: việc đọc sách ở thanh niên cho thấy tỷ lệ khá thấp, chỉ có nhóm sinh viên với tỷ lệ 37,8% là cao hơn hẳn so với các nhóm khác. Việc học kỹ năng hay sinh hoạt với cộng đồng, làm công tác xã hội chưa được các nhóm thanh niên quan tâm.

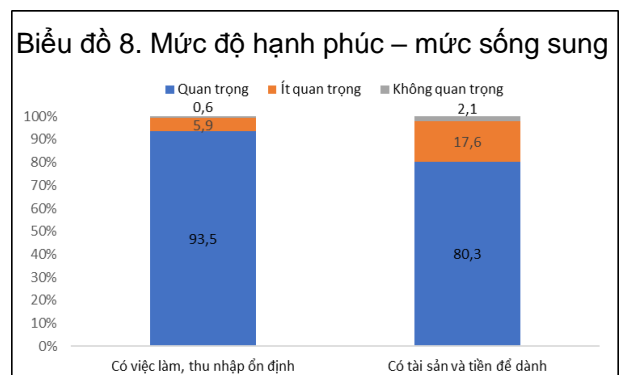
Nhìn chung, thanh niên chọn hoạt động vui chơi giải trí đơn thuần, còn các hoạt động tự rèn luyện nâng cao kỹ năng cá nhân chưa được thanh niên quan tâm và dành thời gian ưu tiên.

*“Người ta nói đơn giản trẻ em bây giờ không chơi những trò chơi tập thể hay chơi những trò chơi vui nữa mà cứ lên Facebook thôi, lấy iPad ra chơi những cái game. Đó là lối sống nó thể hiện sự gắn kết của xã hội, những em đó sau này cũng*

*sẽ trở thành thanh niên. Thanh niên bây giờ cũng có nhiều sự chi phối. Thí dụ như em bây giờ đâu cần phải ra ngoài chơi với bạn bè đâu. Bản thân em bây giờ em cũng cảm thấy em như vậy. Em về nhà, em xem phim hay lên mạng đọc tin tức, hay là em làm lại việc này việc kia. Sự gắn kết hầu như không có”* (PVS nam thanh niên, phó Bí thư Đoàn trường đại học).

#### (4) Mức sống sung túc

Cuộc sống sung túc là một yếu tố quan trọng để xác định được mức độ cảm thấy hạnh phúc của thanh niên thành phố. Việc chọn lựa an toàn và ưu tiên hơn cả vẫn là có công việc và



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

việc làm ổn định, chiếm 93,5% đánh giá là quan trọng, trong khi có tài sản và tiền để dành thấp hơn chiếm 80,3% (Biểu đồ 8). Cách lựa chọn này thể hiện được 2 mặt của định hướng nghề nghiệp nhưng yếu tố an toàn và chắc chắn gần như là tiêu chí quyết định.

Sự tương quan giữa trình độ học vấn và lý do lựa chọn công việc thể hiện ở Bảng 1 dưới đây còn cho thấy thanh niên thành phố (nhóm đã đi làm) chú trọng đến một số tiêu chí nhất định về công việc như công việc ổn định và phù hợp năng lực ở hầu hết các nhóm có trình độ học vấn. Nhóm tiêu chí về môi trường làm việc: được tự chủ trong công việc và thời gian làm việc

linh hoạt có tỷ lệ không quá chênh lệch giữa các nhóm học vấn, riêng tiêu chí chọn lựa công việc thú vị thì nhóm có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, đại học có tỷ lệ cao nhất là 34,7%. Như vậy, với nhóm thanh niên đã qua đào tạo, công việc là thú vị có lẽ đã mang lại sự hào hứng cũng như kích thích sáng tạo của họ.

### (5) Nhu cầu cơ bản được đáp ứng tốt

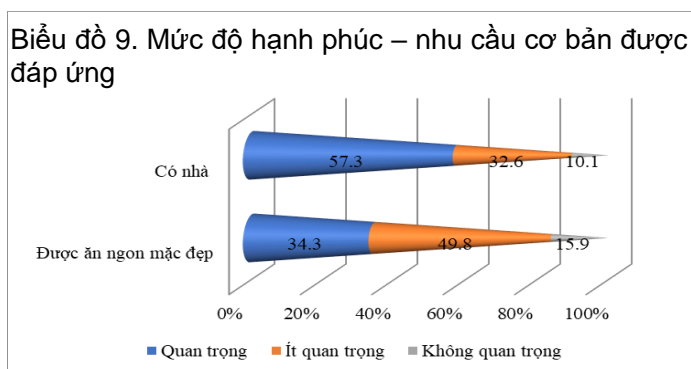
Trong thang nhu cầu của Maslow (1970) (dẫn theo Bùi Thế Cường, 2019: 546), nhu cầu tối thiểu và nhu cầu có tài sản đảm bảo được xếp vào nhóm nhu cầu đầu tiên và nhu cầu thứ hai cần được đáp ứng. Người Việt Nam thường nói đến những nhu cầu

Bảng 1. Trình độ học vấn của thanh niên (đã đi làm) và lý do lựa chọn công việc (%)

	Tốt nghiệp cấp I	Tốt nghiệp cấp II	Tốt nghiệp cấp III	Tốt nghiệp trung cấp - cao đẳng - đại học
Chọn việc có thu nhập và phúc lợi cao	24,3	15,2	21,0	27,0
Chọn công việc thú vị	10,8	14,1	14,5	34,7
Công việc nhàn	16,2	19,6	14,5	7,2
Công việc ổn định	56,8	54,3	54,8	57,2
Môi trường làm việc ít cạnh tranh	8,1	8,7	13,7	5,9
Thời gian làm việc linh hoạt	29,7	15,2	19,4	17,6
Được tự chủ trong công việc	24,3	27,2	17,7	22,5
Phù hợp với năng lực	40,5	51,1	49,2	55,0
Lãnh đạo có năng lực và tầm nhìn	2,7	1,1	1,6	6,8
Các mối quan hệ đồng nghiệp thân thiện	0,0	2,2	6,5	5,9
Uy tín xã hội	0,0	1,1	2,4	4,1
Đáp ứng nguyện vọng của người khác	10,8	2,2	4,8	6,8
Không xin được việc nơi nào khác	13,5	9,8	3,2	1,4

Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

cơ bản như: “ăn no, mặc ấm” hoặc “ăn ngon, mặc đẹp”, tuy nhiên, số liệu ở Biểu đồ 9 cho thấy thanh niên thành phố không quá đề cao mức độ quan trọng của việc ăn mặc, với sự đánh giá quan trọng chỉ đạt 34,9% và ít quan trọng đạt 49,8%. Đối với tiêu chí có nhà riêng thì 57,3% đánh giá có quan trọng. Có lẽ nhiều người Việt Nam vẫn đề cao việc “an cư, lạc nghiệp”, phần nào cho rằng ngôi nhà chính là tài sản đảm bảo cho cuộc sống.

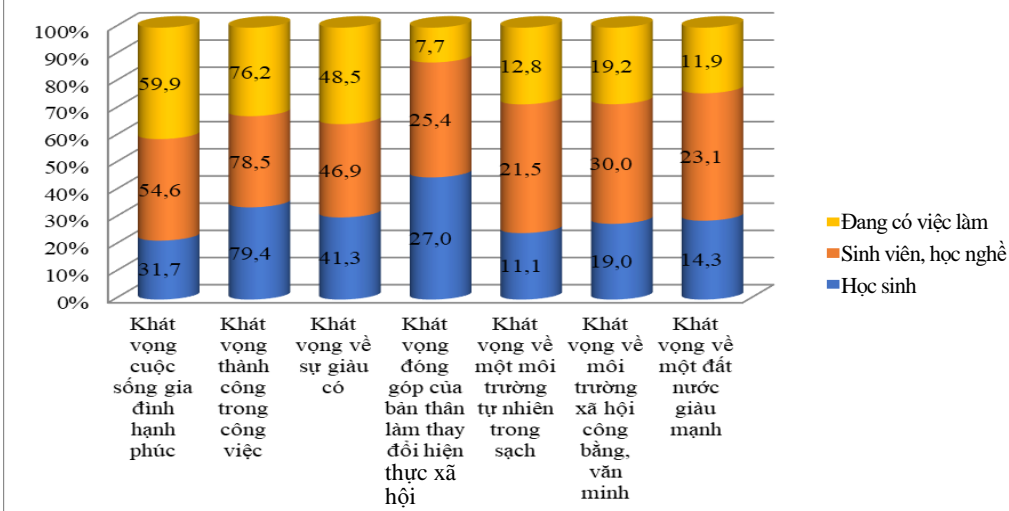


Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Điều này còn được thể hiện thêm trong những khát vọng của thanh niên (Biểu đồ 10). Ở hầu hết các nhóm học sinh, sinh viên/học nghề, có việc làm thì những khát vọng liên quan đến nhu cầu cá nhân, gia đình, khát vọng về vật chất, sự giàu có vẫn được nhiều thanh niên lựa chọn hơn. Xu hướng này đang được xem là sự dịch chuyển giữa những quan niệm giá trị sống từ nghĩa vụ cộng đồng sang trách nhiệm cá nhân (Nguyễn Đức Lộc, 2018), quá trình hiện thực hóa cuộc đời cá nhân chiếm ưu thế hơn so với vun đắp cho xã hội.

*“Do các em còn là học sinh phổ thông nên giá trị vật chất được các em đề cao hơn, các em chỉ biết đến nhà cửa, xe cộ và các vật dụng khác trước mắt các em thôi. Còn vấn*

**Biểu đồ 10. Nghề nghiệp của thanh niên và những điều thanh niên khát vọng**



Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2018, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

*đề nhận thức thì các em chưa hiểu lắm đâu. Các em cũng chưa nhận thức sâu về vấn đề học làm sao để mình trở thành người có ích cho xã hội cho cộng đồng, các em cũng chưa có ý thức để phấn đấu trong học tập cũng như trong các hoạt động xã hội” (PVS nam thanh niên, trợ lý thanh niên trường phổ thông trung học).*

Như vậy trong 5 nhóm yếu tố được thanh niên đánh giá mức độ quan trọng để có hạnh phúc thì có tới 4 nhóm yếu tố (từ nhóm 2 đến nhóm 5) thuộc về nhu cầu của cá nhân, mang tính chất cá nhân (nhu cầu cơ bản được đáp ứng tốt, có mức sống sung túc, có quan hệ xã hội tốt và khẳng định bản thân), nhóm 1 cũng có 2/6 yếu tố thuộc về cá nhân (học vấn cao và thành công cá nhân). Mặc dù, các yếu tố mang tính chất cộng đồng, xã hội (môi trường tự nhiên trong lành, môi trường xã hội an toàn, tự do dân chủ, làm được những việc có ý nghĩa) chiếm một số lượng nhỏ, nhưng tỷ lệ thanh niên cho rằng đó là những yếu tố quan trọng để có hạnh phúc là khá cao, đều xấp xỉ 70% đến trên 80%. Ngoài ra, khát vọng sống, mục đích sống của thanh niên phản ánh điều này khi mà vẫn còn không ít thanh niên có mục đích sống đóng góp cho xã hội (21,5%), có khát vọng về môi trường sống công bằng và văn minh (21,2%) và khát vọng về một đất nước giàu mạnh (14,1%).

#### 4. TẠM KẾT

Bức tranh về giá trị sống của thanh niên thành phố đang dần dịch chuyển trong bối cảnh xã hội hiện đại. Các yếu tố về sự thành công của bản thân và trách nhiệm của cá nhân đối với xã hội, những vấn đề của thời cuộc hay của cộng đồng đang ngày càng thu hút người trẻ vào nhịp sống hiện đại và nhiều lựa chọn. Áp dụng thang nhu cầu Maslow để soi chiếu cho thấy nhóm nhu cầu ưu tiên của thanh niên chiếm đa số là nhu cầu cá nhân như có thu nhập ổn định, có tiền/tài sản để dành, được ăn ngon mặc đẹp, có nhà ở, có trình độ học vấn, thành công, có thời gian giải trí, có quan hệ xã hội tốt, thể hiện được mình...; bên cạnh đó vẫn có những nhu cầu cao hơn hướng đến cộng đồng như nhu cầu sống trong môi trường tự nhiên trong lành, môi trường xã hội an toàn, công bằng, tự do dân chủ, nhu cầu làm được việc có ý nghĩa, đóng góp cho xã hội, góp phần làm thay đổi hiện thực xã hội. Qua đó cho thấy những giá trị sống của thanh niên thành phố hiện nay tuy ưu thế đang thuộc về những giá trị mang tính chất cá nhân nhưng vẫn có sự hướng tới những giá trị mang tính chất cộng đồng, xã hội.

Kết quả nghiên cứu trên là một trong những cơ sở giúp xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên TPHCM. Giá trị hình mẫu đó cần thể hiện những giá trị sống thực tế, gần gũi, chính đáng của thanh niên gắn với bối cảnh xã hội hiện nay. □

## PHỤ LỤC

Câu 55. Vui lòng đánh giá mức độ quan trọng để có hạnh phúc đối với bạn ở những khía cạnh sau đây? (Khoanh tròn vào ô thích hợp) – (trích).

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Chủ nhiệm: TS. Hoàng Thị Thu Huyền, cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM, thời gian thực hiện 2018 - 2019.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Thế Cường và cộng sự. 2010. *Từ điển xã hội học Oxford*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Jacobs, Jane. 1961. "The Dead and Life of Great American Cities". Architectural Forum, The Columbia University, *Haper's Magazine*, The Reporter.
3. Nguyễn Đức Lộc (chủ biên). 2017. *Đời sống xã hội Việt Nam đương đại (tập 3) – Người trẻ trong xã hội hiện đại. Nghề nghiệp và mục tiêu cuộc đời, một phân tích về xu hướng lựa chọn giá trị sống của người trẻ tại TPHCM*. TPHCM: Nxb. Văn nghệ.
4. Nguyễn Đức Lộc (chủ biên). 2018. *Phúc lợi xã hội - vai trò của các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ thanh niên công nhân ở TPHCM*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
5. Trần Hữu Quang. 2019. *Xã hội học nhập môn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Trịnh Duy Luân. 2009. *Giáo trình xã hội học đô thị*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.